

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày 05 - 6 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hiền Tự

2. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tổ Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2019/TLST- DS, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn S, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: 1. Ông Trương Hoàng S1, sinh năm 1986 (vắng mặt);

2. Bà Tãi Thị D, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lý Thị T, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn S trình bày: Vào ngày 14/11/2019 vợ chồng ông có bàn heo thịt cho ông Trương Hoàng S1 và bà Tãi Thị D số lượng là 11 con heo, với giá 7.200.000 đồng/100 kg, trọng lượng 11 con heo là 870 kg x 7.200.000 đồng = 62.640.000 đồng. Do là chỗ quen biết lâu năm nên việc mua bán giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông S1, bà D không có làm giấy tờ. Sau khi cân heo xong, hai bên thỏa

thuận 03 ngày sau thì ông sẽ đến nhà ông S1 và bà D để nhận tiền bán heo. Khi đến thời hạn trên ông có đến nhà ông S1, bà D để nhận tiền thì ông S1, bà D có trả cho ông được số tiền 30.000.000 đồng, còn lại số tiền 32.640.000 đồng ông S1, bà D hẹn thêm 05 ngày nữa sẽ trả đủ số tiền còn thiếu. Tuy nhiên, sau 05 ngày thì vợ chồng ông S1, bà D vẫn không trả và cứ hẹn lần này đến lần khác và cố tình không trả. Nay ông yêu cầu ông S1, bà D phải trả lại số tiền mua heo còn thiếu là 32.640.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trương Hoàng S1 và bà Tãi Thị D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông S1, bà D đều vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị T trình bày thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Dương Văn S.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông S1, bà D phải trả lại số tiền mua heo còn thiếu là 32.640.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; Bị đơn ông Trương Hoàng S1 và bà Tãi Thị D đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng ông S1 và bà D đều vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy giữa ông Dương Văn S và vợ chồng ông Trương Hoàng S1, bà Tãi Thị D có thỏa thuận mua bán heo thịt với nhau, theo bên ông S thì tổng trọng lượng heo cân bán cho vợ chồng ông S1, bà D là 870 kg, giá 7.200 đồng/kg, thành tiền là 62.640.000 đồng; phía vợ chồng ông S1, bà D đã trả được 30.000.000 đồng, còn lại 32.640.000 đồng chưa trả. Qua lời trình bày của ông S, lời khai của người làm chứng cũng như việc Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ nhưng bị đơn ông S1 và bà D không có ý kiến phản bác. Do đó, việc nguyên đơn ông Dương Văn S khởi kiện là có cơ sở chấp nhận;

Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn S buộc ông Trương Hoàng S1 và bà Tãi Thị D phải trả cho ông Dương Văn S số tiền 32.640.000 đồng. Về án phí buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn ông Dương Văn S yêu cầu ông Trương Hoàng S1 và bà Tãi Thị D trả số tiền mua heo thịt còn nợ nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trương Hoàng S1 và bà Tãi Thị D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông S1 và bà D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, ông S1 và bà D đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông S1 và bà D đều vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông S1 và bà D.

[2] Về nội dung vụ án thấy rằng: Việc mua bán heo giữa vợ chồng ông S với ông S1 và bà D mặc dù không được lập thành văn bản nhưng quá trình cân heo thì có ghi lại trọng lượng của từng con heo (ghi mã cân) theo nguyên đơn ông S cho rằng tổng trọng lượng heo cân bán cho vợ chồng ông S1, bà D là 870 kg, giá 7.200 đồng/kg, thành tiền là 62.640.000 đồng; phía vợ chồng ông S1, bà D đã trả được 30.000.000 đồng, còn lại 32.640.000 đồng chưa trả. Việc mua bán có người làm chứng là ông N chứng kiến, ông N cũng là người phụ ghi mã cân, khi vợ chồng ông S1 và bà D không trả số tiền còn thiếu cho ông S thì cũng có người làm chứng là ông K là người có bán heo cho vợ chồng ông S1, bà D và ông S1 hiện nay ông S1, bà D chưa trả, quá trình ông K đi đòi tiền thì trực tiếp nghe ông S1 nói “*tiền tôi nợ ông Tư S có thì tôi trả, không có thì thôi*”. Quá trình tố tụng, mặc dù bị đơn ông S1 và bà D đã được Tòa án thông báo hợp lệ về việc bị ông S khởi kiện để yêu cầu trả số tiền mua heo còn nợ là 32.640.000 đồng nhưng ông S1 và bà D không có ý kiến gì về số nợ trên cũng không gửi cho Tòa án văn bản phản đối về yêu cầu khởi kiện của ông S mà cố tình vắng mặt thì xem như từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của đương sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử khẳng định việc ông S1 và bà D có mua heo thịt của vợ chồng ông S và còn thiếu số tiền số tiền 32.640.000 đồng là có thật nên việc ông S yêu cầu ông S1 và bà D trả lại số tiền 32.640.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với phần lãi của số tiền 32.640.000 đồng, do ông S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Văn S được chấp nhận nên bị đơn ông Trương Hoàng S1 và bà Tãi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Dương Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 430, Điều 433 và Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn S.

Buộc ông Trương Hoàng S1 và bà Tả Thị D phải trả cho ông Dương Văn S số tiền 32.640.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Buộc ông Trương Hoàng S1 và bà Tả Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 1.632.000 đồng; ông Dương Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Dương Văn S số tiền tạm ứng án phí bằng 816.000 đồng theo biên lai thu số 00058932 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn